



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-274 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý Nhà máy nước Thành phố Lai Châu - TP 01
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-274	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,47	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,38	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,56	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-275 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước thành phố. Đc: Xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu - TP 02
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-275	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,74	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,58	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-276 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước thành phố. Đc: Xã San Thành – thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu - TP 03
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-276	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,04	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,72	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-277 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước thành phố . Đc: Xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu - TP 04
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-277	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,37	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-278 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt đầu nguồn Nùng Nàng. Đc: Phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu - TP 05
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-278	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,45	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,34	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-279 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt Quyết Thắng, Đc: Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu tỉnh Lai Châu - TP 06
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-279	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
6	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,89	15
7	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-280 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường. Đc: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu - TĐ 07
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-280	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,57	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,02	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-281 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường, Đc: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu - TĐ 08
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-281	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,43	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,08	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-282 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường, Đc: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu - TĐ 09
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-282	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	$1,2 \times 10^2$	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1.
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,34	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-376 (25.1026)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - tại Trạm cấp nước thị trấn Tam Đường, địa chỉ: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 30/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 30/06/2025 – 04/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-376	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-283 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ. Đc: Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 10
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-283	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,52	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-284 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ.
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-284	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,34	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-285 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt thị trấn Sìn Hồ.
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-285	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,47	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-286 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ. Đc: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu - PT 13
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-286	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,34	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-287 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ. Đc: Thị trấn Phong Thổ huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu - PT 14
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-287	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,52	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-288 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước thị trấn Phong Thổ. Đc: Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 15
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-288	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,3	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,61	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-289 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: Bản Vàng Bó, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 16
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-289	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,45	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,34	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-290 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: Bản Vàng Bó, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 17
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-290	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,35	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,51	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-291 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 -Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: Bản Vàng Bó, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 18
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2506-291	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,39	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-292 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Nhà máy nước Ma Lù Thành. Đc: Xã Ma Lý Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 19
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-292	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,87	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-293 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Nhà máy nước Ma Lù Thành. Đc: Xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 20
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-293	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	$9,0 \times 10^1$	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,65	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-375 (25.1026)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Nhà máy nước Ma Lù Thành, Đc: Xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 30/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 30/06/2025 – 04/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2506-375	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-294 (25.996)

- | | |
|--|---|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu vòi sử dụng 02 - Nhà máy nước Ma Lù Thành, Đc: Xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 21 |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 20/06/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Lê Thị Thúy |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 20/06/2025 – 27/06/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2506-294	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,74	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,2	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-295 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than. Đc: Xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 22
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-295	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,45	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,02	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,14	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-296 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than. Đc: Xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 23
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2506-296	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	8,37	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 & SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-297 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than. Đc: Xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 24
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-297	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,94	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-298 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý – Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà, Đc: Xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 25
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-298	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,47	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,37	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-299 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Đc: Xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 26
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-299	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,99	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,5	6 ÷ 8,5.

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2506-300 (25.996)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Đc: Xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 27
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 009, đường Nguyễn Văn Linh - Tổ 22, Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can 3 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/06/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/06/2025 – 27/06/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2506-300	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,36	0,2 ÷ 1
4	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2
5	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,05	15
6	Mùi, vị	SMEWW 2150:2023 &SMEWW 2160:2023	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.